

Bản án số: 45/2025/HS-ST.
Ngày: 09-9-2025.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đức Dũng.

Các Hội thẩm Nhân dân:

1. Ông Nguyễn Chí Lin;
2. Ông Nguyễn Tấn Lợi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lưu Sử Ngọc Quân, là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Tây Ninh tham gia phiên tòa:
Bà Võ Thị Bích Trăm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 29/2025/TLST-HS, ngày 19 tháng 8 năm 2025 theo Quyết định Đưa vụ án ra xét xử số 48/2025/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 8 năm 2025 đối với bị cáo:

Họ và tên: Phùng Công T, sinh năm 1990 tại tỉnh Cà Mau; Nơi cư trú: Ấp 1, xã Hàng V, huyện Năm C, tỉnh Cà Mau (nay là Ấp 1, xã Năm C, tỉnh Cà Mau); Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Họ và tên cha: Phùng Công T1, sinh năm 1959 (chết); Họ và tên mẹ: Trương Thị H, sinh năm 1958 (chết); Họ và tên vợ: Thạch Thị Mỹ H1, sinh năm 1989; Con: Có 03 người, lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2024; Tiền án, tiền sự: Không có.

Nhân thân: Tại Quyết định số 6395/QĐ-UBND ngày 19-7-2013 của Ủy ban nhân dân quận Bình T2, Thành phố Hồ Chí Minh, áp dụng biện pháp quản lý hành chính sau cai nghiện đối với Phùng Công Tài, thời gian là 24 tháng kể từ ngày 04-8-2013 (đã chấp hành xong).

Tại Bản án số 141/2015/HSST ngày 30-12-2015 của Tòa án nhân dân huyện Bến L, tỉnh Long An, xử phạt Phùng Công T 09 tháng tù về tội “Trộm cắp

tài sản”, chấp hành xong án phí ngày 28-4-2016, chấp hành xong hình phạt tù ngày 14-7-2016 (đã được xóa án tích).

Bị cáo Phùng Công T bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 01-4-2025 cho đến nay tại Phân Trại tạm giam khu vực II, Trại tạm giam số 2, Công an tỉnh Tây Ninh (bị cáo có mặt).

- *Bị hại:* Anh Nguyễn Văn H2, sinh năm 1995; địa chỉ: Số B11/26, Ấp 2, xã Bình L1, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Phạm Trọng M, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn Trung T3, xã Đại L2, tỉnh Bắc Ninh (vắng mặt).

2. Anh Hồ Minh T4, sinh năm 1993; địa chỉ: Ấp 4, xã Mỹ T5, tỉnh Đồng Tháp (vắng mặt).

3. Anh Phan Văn L3, sinh năm 1991; địa chỉ: Tổ 13, ấp Mỹ Đông 4, xã Phương T6, tỉnh Đồng Tháp (vắng mặt).

4. Anh Đinh Trung H3, sinh năm 1992; địa chỉ: Tổ 13, ấp Mỹ Đông 4, xã Phương T6, tỉnh Đồng Tháp (vắng mặt).

5. Anh Kim Thành N, sinh năm 2001; địa chỉ: Ấp Nê C1, xã Song L4, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

6. Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1997; địa chỉ: Số B11/26, Ấp 2, xã Bình L1, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

7. Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1973; địa chỉ: Số B11/26, Ấp 2, xã Bình L1, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

8. Bà Nguyễn Thị Kim L5, sinh năm 1972; địa chỉ: Số B11/26, Ấp 2, xã Bình L1, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

9. Bà Trương Thị Tuyết N1, sinh năm 1984; địa chỉ: Số 74/13/26, Liên khu 25, phường Bình Trị Đ1, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

10. Chị Chu Thị T7, sinh năm 1996; địa chỉ: Xóm 1, xã Hùng C2, tỉnh Nghệ An (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2016, Phạm Trọng M làm quản lý tại Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Phụ liệu may Trung Nam P (gọi tắt là Công ty Trung Nam P), tại Đường số 5, Khu Công nghiệp Hải S, thuộc ấp Bình Tiên 2, xã Đức Hòa H4, huyện Đức H5, tỉnh Long An do bà Trương Thị Tuyết N1 làm đại diện theo pháp luật. Quá trình làm việc, M có quen biết hai anh em ruột làm công nhân tại Công ty là anh Nguyễn Văn H2 và anh Nguyễn Văn Đ. Khi làm chung, anh Đ nhiều lần mượn tiền từ M, đến tháng 03-

2018, anh Đ đã mượn M tổng cộng 50.000.000 đồng. Ngoài ra, anh Đ còn mượn của Hồ Minh T4 6.000.000 đồng.

Tháng 8-2018, anh Đ nghỉ việc tại Công ty Nam Trung P nhưng không trả tiền cho M và T4. Do đó, M và T4 nhiều lần đến nhà anh Đ để yêu cầu anh Đ trả tiền nhưng không gặp được anh Đ mà chỉ gặp cha mẹ ruột của anh Đ là ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị Kim L5. T được ông B, bà L5 trả 2.000.000 đồng, đồng thời nói với M, T4 sẽ bán nhà trả tiền nợ của anh Đ, nhưng sau đó lại chuyển đi nơi khác sinh sống. Tháng 3-2020, anh H2 xin nghỉ việc tại Công ty Trung Nam P. Sau đó, M nhận được thông tin từ chị Chu Thị T7 là kế toán Công ty Trung Nam P cho biết ngày 03-6-2021, anh H2 sẽ đến Trung tâm bảo hiểm xã hội huyện Đức H5 để làm thủ tục lãnh tiền bảo hiểm. M nói lại sự việc trên cho T4 biết và bàn bạc với T4 là đến ngày 03-6-2021 cùng nhau đi đến Trung tâm bảo hiểm xã hội huyện Đức H5 để gặp anh H2 yêu cầu trả lại tiền. Ngày 28-5-2021, T4 nói với Phan Văn L3, Đinh Trung H3, Phùng Công T về việc anh H2 nợ T4 4.000.000 đồng và nợ M 50.000.000 đồng nhưng không trả. T4 đề nghị L3, H3, T cùng hỗ trợ yêu cầu anh H2 trả lại tiền vào chiều ngày 03-6-2021, tất cả đồng ý. T đề nghị Kim Thành N cùng đi gặp anh H2 để yêu cầu trả tiền, N đồng ý.

Đến 13 giờ ngày 03-6-2021, T4 điều khiển xe mô tô Honda Ariblade, biển số 99H1-285.25 của M, chở theo M. L3 điều khiển xe mô tô Yamaha Exciter 150, biển số 66F1-540.99 của L3, chở theo H3. N điều khiển xe mô tô Honda Ariblade màu trắng, không rõ biển số của T, chở theo T, tất cả cùng đi đến Trung tâm bảo hiểm xã hội huyện Đức H5. Đến 14 giờ, cả nhóm đến và dừng xe trên lề đường đối diện Trung tâm Bảo hiểm xã hội huyện Đức H5. Khoảng 14 giờ 40 phút, T4 nhìn thấy anh H2 điều khiển xe mô tô Honda Ariblade, biển số 59N3-031.69, đi từ vòng xoay thị trấn Hậu N2 chạy đến định rẽ vào Trung tâm Bảo hiểm xã hội huyện Đức H5. Anh H2 nhìn thấy nhóm M đứng đợi sẵn nên không dừng lại mà tiếp tục chạy. Lúc này, M và T4 phát hiện nên la lớn “Nó chạy đi rồi” và kêu cả nhóm đuổi theo. T điều khiển xe mô tô đi một mình, T4 điều khiển xe mô tô chở M phía sau, N điều khiển xe mô tô chở H3, L3 phía sau, cùng đuổi theo anh H2. Khi đuổi theo anh H2 đi đến đoạn Công viên tại khu vực Ô 3, Khu A, thị trấn Hậu N2, huyện Đức H5, tỉnh Long An thì đuổi kịp và ép anh H2 dừng xe.

Sau đó, T cầm nón bảo hiểm trên tay phải xông đến đánh 01 cái trứng vào đầu của anh H2. H3 dùng tay phải đánh 01 cái vào mặt của anh H2. M và T kêu chở anh H2 về Công ty Trung Nam P. T điều khiển xe mô tô của anh H2, yêu cầu anh H2 ngồi phía sau để T chở, những người còn lại chạy theo hỗ trợ phía sau. Khi đi được một đoạn thì xe mô tô của anh H2 hết xăng, nên T kêu anh H2 qua xe Ariblade màu trắng của N để N chở, anh H2 ngồi ở giữa, T ngồi phía sau cùng. H3 chạy xe của anh H2 vào đổ xăng rồi theo sau. T4 chạy xe Ariblade của M chở M. L3 chạy xe Yamaha Exciter 01 mình phía sau cùng hỗ trợ nhau đưa anh H2 về Công ty Trung Nam P. Đến 15 giờ 20 phút, nhóm của M chở anh H2 đi đến nhà giữ xe Công ty Trung Nam P, anh H2 ngồi tại khu vực nhà xe của Công ty, cách vị trí cổng ra vào 16 m. L3, H3, M, T4, N, T đứng xung quanh anh H2 canh giữ. Khoảng cách đứng so với vị trí của anh H2 lần lượt được xác định là: L3 cách 2,50 m, H3 cách 2,10 m,

M cách 2,30 m, T4 cách 70 cm, N cách 2,40 m, T cách 4,20 m. Sau đó, M yêu cầu anh H2 gọi điện thoại về cho ông Nguyễn Văn B để M nói chuyện, yêu cầu ông B trả số tiền 54.000.000 đồng, mới đồng ý để H2 ra về nhưng B không có tiền trả. T yêu cầu anh H2 tìm cách mượn 20.000.000 đồng trả trước còn xe mô tô của anh H2 sẽ bị giữ lại khi nào trả đủ tiền thì sẽ trả xe. Do thấy nhóm của M đông người và sợ bị đánh nên anh H2 điện thoại cho Nguyễn Ngọc T8 để mượn 20.000.000 đồng, nhưng T8 không có tiền. H2 tiếp tục gọi điện cho nhiều người để mượn tiền nhưng không được.

Đến khoảng 16 giờ 15 phút, thấy anh H2 không tìm được cách để trả tiền, nên T đi lại bên hông nhà xưởng của Công ty lấy 01 cây sắt tròn dài khoảng 1,2 m đi lại hỏi anh H2 có tiền chưa thì anh H2 nói đang chờ bạn trả lời. T4 sợ T đánh anh H2, nên đi đến giật cây sắt của T ném xuống. Một lúc sau, do bận việc nên T4 về trước và không có dẫn dò những người còn lại xử lý anh H2 như thế nào. M, T, H3, N và L3 tiếp tục cùng nhau canh giữ anh H2. Anh H2 lợi dụng lúc nhóm M không để ý anh H2 nhắn tin qua Zalo cho 01 người bạn tên T9 nhờ báo Công an. T nhìn thấy anh H2 liên tục nhắn tin nên lấy điện thoại kiểm tra thì phát hiện anh H2 nhờ người báo Công an và nói cho cả nhóm biết. T bực tức nên cầm con dao dài khoảng 27 cm, bị cùn nhật được tại nhà xe đe dọa sẽ đánh anh H2, H3 giật lấy con dao T cầm rồi ném đi. Lúc này, T dùng tay không cùng với H3 dùng tay cầm 02 ghế nhựa đã bị bể (được xếp chồng lên nhau) đánh vào vai của anh H2, gây thương tích. Sau đó, T lo sợ nếu tiếp tục giữ anh H2 sẽ bị Công an phát hiện, nên kêu M vào lấy giấy và viết ra đưa cho anh H2 để viết giấy nhận nợ. M vào phòng làm việc lấy 01 tờ giấy trắng loại giấy A4 và 01 cây viết mực màu xanh đem ra để trên bàn trong nhà giữ xe. T đọc cho anh H2 viết vào tờ giấy A4 với nội dung “H2 có mượn của M 54.000.000 đồng, tự nguyện để lại xe biển số 59N3-031.69; Giấy đăng ký xe và Giấy chứng minh nhân dân của H2 đến 03 ngày sau mang tiền trả sẽ cho nhận lại xe và giấy tờ”. Thời điểm anh H2 viết giấy nhận nợ, khoảng cách từ vị trí anh H2 đến vị trí của N, L3, H3, M, T lần lượt được xác định là: cách N 90 cm, cách L3 2,55 m, cách H3 2,80 m, cách M 2,10 m, cách T 01m. Khi anh H2 viết xong, T buộc anh H2 ký và ghi họ tên xác nhận, rồi T cầm 02 ngón tay trỏ của anh H2 chấm vào khay mực đỏ rồi lăn vào phần ký tên xác nhận của tờ giấy nhận nợ. Sau đó, T lấy Giấy chứng minh nhân dân, Giấy đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 59N3-031.69 và tờ giấy nợ giao cho M giữ.

Đến 17 giờ 20 phút ngày 03-6-2021, anh H2 không bị giữ nữa mà được cho đi bộ về. Ngày 04-6-2021, anh H2 đến Công an xã Đức Hòa H4, huyện Đức H5, tỉnh Long An tố giác vụ việc. Quá trình điều tra, Phạm Trọng M, Hồ Minh T4, Kim Thành N, Phan Văn L3, Đinh Trung H3, Phan Văn L3, khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, đã bị điều tra, truy tố, xét xử theo bản án hình sự sơ thẩm số 71/2022/HS-ST, ngày 12-7-2022 của Tòa án nhân dân huyện Đức H5, tỉnh Long An. Riêng Phùng Công T bỏ trốn và bị truy nã từ ngày 30-12-2021, đến ngày 01-4-2025, bị tạm giữ truy nã tại xã Tân M1, huyện Thanh B1, tỉnh Đồng Tháp. Ngày 02-4-2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Long An ra Quyết định Đình nã, Quyết

định phục hồi vụ án, Quyết định phục hồi điều tra bị can đối với Phùng Công T. Quá trình điều tra, T thừa nhận hành vi phạm tội.

Tại Bản kết luận về định giá tài sản số 60/KL.ĐGTS, ngày 11-6-2021 của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự huyện Đức H5, tỉnh Long An kết luận: “01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Airblade, biển số 53N3-031.69 có giá trị là: 26.593.000 đồng”.

Vật chứng tạm giữ đã xử lý: Cơ quan điều tra Công an huyện Đức H5, tỉnh Long An đã trả lại anh Nguyễn Văn H2 01 Giấy chứng minh nhân dân số 025106122; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số: 59N3-031.69; 01 Xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Ariblade, biển số: 59N3-031.69; 01 con dấu màu đỏ, kích thước (11 x 8 x 5) cm.

Đối với 01 Xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Ariblade, biển số 99H1- 285.25; 01 Điện thoại di động nhãn hiệu Vivo loại 1723, sim số 1: 0858.042.922; sim số 2: 096.768.3782; 01 Xe mô tô loại Exciter 150 màu đen, biển số 66F1-540.99; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 66F1- 540.99, mang tên Phan Văn L3; 01 Điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone, màu trắng, sim số 0939525415; 01 Cây sắt tròn dài 1,2 m; 01 Cái ghế nhựa màu đỏ, 01 Cái ghế nhựa màu trắng, đã xử lý xong tại bản án số 71/2022/HS-ST ngày 12-7-2022 của Tòa án nhân dân huyện Đức H5, tỉnh Long An.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Nguyễn Văn H2 yêu cầu Phùng Công T bồi thường số tiền 10.000.000 đồng (T chưa bồi thường). Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị Tuyết N1 không yêu cầu Phùng Công T bồi thường thiệt hại.

Tại Bản Cáo trạng số: 20/CT-VKSKV3 ngày 13-8-2025, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Tây Ninh đã truy tố bị cáo Phùng Công T về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 157 và tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a, d khoản 2 Điều 170 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên sau khi phân tích, đánh giá tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi mà bị cáo Phùng Công T gây ra; căn cứ vào các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Phùng Công T phạm tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” và tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

Về hình phạt chính: Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 157; điểm s khoản 1 Điều 51; các Điều 38, 50 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Phùng Công T từ 02 năm đến 03 năm tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”.

Áp dụng điểm a, d khoản 2 Điều 170; điểm s khoản 1 Điều 51; các Điều 38, 50 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Phùng Công T từ 03 năm đến 04 năm tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự, buộc bị cáo Phùng Công T chấp hành hình phạt chung của 02 tội, từ 05 năm đến 07 năm tù.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng phạt bổ sung do bị cáo Phùng Công T không có việc làm ổn định.

Về xử lý vật chứng: Không.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Nguyễn Văn H2 yêu cầu bị cáo Phùng Công T bồi thường số tiền 10.000.000 đồng, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đánh giá về tố tụng:

[1.1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đức H5, tỉnh Long An và Công an tỉnh Long An (nay là Công an tỉnh Tây Ninh), Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức H5, tỉnh Long An (nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Tây Ninh), Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.2] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Đối với bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng đã được cơ quan điều tra lấy lời khai để xác định sự thật vụ án, sự vắng mặt của những người này không ảnh hưởng gì đến phiên tòa nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt theo Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Đánh giá chứng cứ của Hội đồng xét xử:

[2.1] Hành vi khách quan của bị cáo Phùng Công T đã thực hiện:

Tại phiên tòa, bị cáo Phùng Công T thừa nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như sau: Khoảng 14 giờ 40 phút ngày 03-6-2021, theo đề xuất, rủ rê của Phạm Trọng M và muốn anh Nguyễn Văn H2 trả nợ thay cho anh Nguyễn Văn Đ (em trai anh H2), nên Phùng Công T cùng với Phạm Trọng M, Hồ Minh T4, Kim Thành N, Phan Văn L3, Đinh Trung H3 có hành vi tổ chức bắt rồi đưa anh H2 đến Công ty Trung Nam P tại Khu Công nghiệp Hải S, thuộc ấp Bình Tiên 2, xã Đức Hòa H4, huyện Đức H5, tỉnh Long An (nay là ấp Bình Tiên 2, xã Đức H5, tỉnh Tây Ninh). Tại đây, T cùng với M, T4, N, L3, H3, có hành vi giữ, đe dọa, ép buộc anh H2 phải viết giấy nhận nợ số tiền 54.000.000 đồng và buộc anh H2 để lại xe mô tô biển số 59N3-031.69, trị giá 26.593.000 đồng. Đến 17 giờ 20 phút ngày 03-6-2021, khi anh H2 viết và ký giấy nhận nợ xong thì được cho ra về. Ngày 04-6-2021, anh

H2 đến Công an xã Đức Hòa H4, huyện Đức H5, tỉnh Long An (nay là Công an xã Đức H5, tỉnh Tây Ninh) tố giác sự việc. Sau đó, Phùng Công T bỏ trốn và bị truy nã. Đến ngày 01-4-2025, T bị tạm giữ truy nã và thừa nhận hành vi phạm tội.

Xét lời khai nhận của bị cáo Phùng Công T tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; phù hợp với Kết luận định giá tài sản số 60/KL.ĐGTS, ngày 11-6-2021, các chứng cứ khách quan khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa và phù hợp nội dung cáo trạng.

[2.2] Hội đồng xét xử đánh giá:

Ngày 03-6-2021, theo đề xuất và rủ rờ của Phạm Trọng M thì bị cáo Phùng Công T cùng với Phạm Trọng M, Hồ Minh T4, Kim Thành N, Phan Văn L3, Đinh Trung H3 có hành vi tổ chức bắt giữ anh Nguyễn Văn H2 trái pháp luật và cưỡng đoạt tài sản của anh Nguyễn Văn H2 trị giá trên 50.000.000 đồng (ép buộc anh H2 phải viết giấy nhận nợ số tiền 54.000.000 đồng và buộc anh H2 để lại xe mô tô biển số 59N3-031.69, trị giá 26.593.000 đồng). Từ đó, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định hành vi của bị cáo Phùng Công T đủ yếu tố cấu thành tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 157 và tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a, d khoản 2 Điều 170 Bộ luật Hình sự. Như vậy, Cáo trạng số 20/CT-VKSKV3 ngày 13-8-2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Tây Ninh truy tố bị cáo Phùng Công T theo tội danh, Điều luật trên là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật. Hành vi vi phạm pháp luật của bị cáo Phùng Công T gây ra là nguy hiểm, xâm phạm quyền sở hữu, quyền tự do của người khác, ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự tại địa phương nên cần xử lý nghiêm.

[3] Đánh giá về tình tiết định khung, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và hình phạt:

- Về tình tiết định khung: Bị cáo Phùng Công T cùng với Phạm Trọng M, Hồ Minh T4, Kim Thành N, Phan Văn L3, Đinh Trung H3, có hành vi tổ chức bắt, giữ anh Nguyễn Văn H2 trái pháp luật và cưỡng đoạt tài sản của anh Nguyễn Văn H2 trị giá trên 50.000.000 đồng (ép buộc anh H2 phải viết giấy nhận nợ số tiền 54.000.000 đồng và buộc anh H2 để lại xe mô tô biển số 59N3-031.69, trị giá 26.593.000 đồng) nên thuộc tình tiết định khung quy định tại điểm a khoản 2 Điều 157 và điểm a, d khoản 2 Điều 170 Bộ luật Hình sự.

- Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

+ Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo Phùng Công T không bị áp dụng tình tiết tăng nặng tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

+ Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo Phùng Công T thành khẩn khai báo, có ý thức ăn năn là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Về hình phạt: Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, thấy rằng cần cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng răn đe và phòng ngừa chung cho xã

hội. Từ đó, xét quan điểm của Kiểm sát viên đề nghị áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo là phù hợp nên ghi nhận.

[4] *Về hình phạt bổ sung*: Không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 157 và khoản 5 Điều 170 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về xử lý vật chứng*: Đã xử lý xong tại Cơ quan điều tra Công an huyện Đức H5, tỉnh Long An và theo bản án số 71/2022/HS-ST ngày 12-7-2022 của Toà án nhân dân huyện Đức H5, tỉnh Long An nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về trách nhiệm dân sự*: Tại phiên tòa, bị cáo Phùng Công T đồng ý bồi thường cho anh Nguyễn Văn H2 10.000.000 đồng, được Hội đồng xét xử ghi nhận và buộc bị cáo Phùng Công T bồi thường cho anh H2 số tiền trên. Đối với bà Trương Thị Tuyết N1 không yêu cầu bị cáo Phùng Công T bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Đối với Phạm Trọng M, Hồ Minh T4, Kim Thành N, Phan Văn L3, Đinh Trung H3 đã bị xét xử theo bản án số 71/2022/HS-ST ngày 12-7-2022 của Toà án nhân dân huyện Đức H5, tỉnh Long An nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Đối với hành vi gây thương tích của bị cáo Phùng Công T, anh Nguyễn Văn H2 không có yêu cầu xử lý nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Đối với bà Trương Thị Tuyết N1 - Người đại diện hợp pháp của Công ty Trung Nam P, nơi anh H2 bị bắt, giữ trái pháp luật, về ý thức bà N1 không biết đến hành vi phạm tội của M, T4, N, L3, H3, T nên không cấu thành tội phạm liên quan.

[10] Đối với chị Chu Thị T7 là người cho Phạm Trọng M biết thông tin về việc anh Nguyễn Văn H2 đến Trung tâm bảo hiểm xã hội huyện Đức H5, ý thức chị T7 không biết hành vi phạm tội của M, T4, N, L3, H3, T nên không cấu thành tội phạm liên quan.

[11] *Về án phí*: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Buộc bị cáo Phùng Công T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 500.000 đồng (10.000.000 đồng X 5%) án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. *Về tội danh*: Tuyên bố bị cáo Phùng Công T phạm tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” và tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

2. *Về Điều luật áp dụng và hình phạt*:

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 157; điểm a, d khoản 2 Điều 170; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 và Điều 50: Xử phạt bị cáo Phùng Công T 02 (hai) năm tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” và 03 (ba) năm tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt 02 tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” và tội “Cưỡng đoạt tài sản”, buộc bị cáo Phùng Công T phải chấp hành hình phạt chung của cả 02 tội là 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 01-4-2025.

Áp dụng khoản 1, 3 Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự, tiếp tục tạm giam bị cáo Phùng Công T 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 09-9-2025) để đảm bảo thi hành án.

3. *Về trách nhiệm dân sự:* Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự: Buộc bị cáo Phùng Công T có nghĩa vụ bồi thường cho anh Nguyễn Văn H2 số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của anh Nguyễn Văn H cho đến khi thi hành án xong, bị cáo Phùng Công T **còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.**

4. *Về án phí:* Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Khoản 1 Điều 23, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Buộc bị cáo Phùng Công T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. *Về quyền kháng cáo:* Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự: Bị cáo Phùng Công T có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị hại anh Nguyễn Văn H2 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phạm Trọng M, anh Hồ Minh T4, anh Phan Văn L3, anh Đinh Trung H3, anh Kim Thành N, anh Nguyễn Văn Đ, ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị Kim L5, bà Trương Thị Tuyết N1, chị Chu Thị T7 vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 3 - Tây Ninh;
- Công an tỉnh Tây Ninh;
- Phân Trại tạm giam khu vực II;
- Phòng THADS khu vực 3 - Tây Ninh;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Lê Đức Dũng

